

Số: 35/2022/QĐST-HNGĐ

TP. NB, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa:

**- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 100, phố Phúc Chính 1, đường T, phường NT, thành phố NB.

**- Bị đơn: Anh Trần Văn D**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 100, phố Phúc Chính 1, đường T, phường NT, thành phố NB.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn D.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D có 02 con chung là cháu Trần Thị Lan C, sinh ngày 17/7/2016 và cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 02/6/2018.

Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Lan A; anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Lan C cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở chị H, anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền án phí chị Tuyết phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000705 ngày 16/11/2021 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố NB, tỉnh NB; chị H được hoàn lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP NB;
- THADS TP NB;
- Các đương sự;
- UBND phường NT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**Phạm Diệu Oanh**  
**(ĐÃ KÝ)**

